

SỞ Y TẾ HÀ GIANG
BỆNH VIỆN PHỔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 514 /BV-KD
V/v mời tham gia thẩm định giá

Hà Giang, ngày 24 tháng 9 năm 2024

Kính gửi: Các doanh nghiệp thẩm định giá.

Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang kính mời các Doanh nghiệp có chức năng thẩm định giá tham gia thẩm định giá mặt hàng thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm và vật tư khác thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng bổ sung thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm và vật tư khác phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2024-2025 của Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang, để Bệnh viện có cơ sở xây dựng đơn giá kế hoạch cho các gói thầu trên.

Danh mục hàng hóa mời chào thẩm định giá (đính kèm).

Nếu các doanh nghiệp thẩm định giá quan tâm, đề nghị gửi hồ sơ năng lực và bảng phí dịch vụ thẩm định giá về Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang chậm nhất đến 16 giờ 30 phút ngày 03/10/2023.

Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ năng lực: Khoa Dược - Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang, Tổ 03 Phường Minh Khai, Thành phố Hà Giang. Điện thoại: 0889.747.779.

Rất mong nhận được sự tham gia từ phía các doanh nghiệp.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website bệnh viện; SYT
- Lưu: VT, KD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Hoàng Văn Tài

DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo công văn số: 514 /TB-BV ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Bệnh viện Phổi Hà Giang)

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Kim lấy thuốc	Kim các số G18, G20, G23, Vĩ dụng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE	Cái	10.000	
2	Bộ dây truyền dịch và kim cánh bướm	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt thể tích $\geq 8.5\text{ml}$, có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền $\geq 1700\text{mm}$. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 3,5x3,5 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Dây truyền dịch kèm kim hai cánh bướm 23Gx3/4". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn CE ; TCVN 6591-4: 2008; tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485	Bộ	5.000	
3	Khẩu trang y tế 4 lớp	Khẩu trang giấy kháng khuẩn 4 lớp gồm 03 lớp vải không dệt 3S và ở giữa là các lớp lọc kháng khuẩn, quai đeo mềm không gây kích ứng da. Hiệu suất lọc $> 90\%$. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn : EN ISO 13485:2016; ISO 9001 :2015, CE. Đóng túi 1 cái/1 túi, tiệt trùng kín bằng khí EO.	Cái	20.000	
4	Dây hút dịch sử dụng một lần	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhẵn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái	300	
5	Dây hút nhót	Thành phần cấu tạo: -Đầu nối: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm, dẻo, không chứa DEHP, không có bavias, có màu theo tiêu chuẩn quốc tế để phân biệt cỡ dây. - Dây mềm dẻo, đầu dây được đột lỗ và bo tròn -Cỡ dây số 6Fr, 8Fr,10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr, 18Fr hoặc các cỡ theo yêu cầu. - sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	30	
6	Ống nghiệm EDTA	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP , kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh dương. Hóa chất bên trong là Dipotassium Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c...).Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Ống	2.400	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
7	Troca thông dịch màng phổi các số	Nhựa PVC, DEHP không gây dị ứng. trong suốt bao ngoài giùi chọc bằng nhôm. *Đầu vát hình phễu, sắc nhọn. *Vạch đánh dấu cách 2cm, Đóng gói 2 lớp, có đầu đệm Ống mềm, nhưng chắc tạo thuận lợi đưa vào nhưng tránh gây tổn thương xung quanh. chứng nhận ISO, CE. Size/ Length 12ch/ 225mm, 16ch/ 235mm, 20ch/ 390mm, 24ch/ 390mm, 28ch/ 390mm, 32ch/ 390mm.	Cái	30	
8	Mask khí dung người lớn + trẻ em	- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung. - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2m$, lòng ống có khóa chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khí mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485.	Cái	700	
9	Kim rút dịch màng phổi	Kim rút dịch màng phổi được đóng gói tiệt trùng từng cây riêng. Chất liệu catheter ETFE, tiệt trùng bằng công nghệ chùm điện tử (EB)	Cái	500	
10	Sonde dạ dày các số (Người lớn)	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485	Cái	100	
11	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 2x100mL + R2: 1x50mL; tỉ lệ R2/R1: 1/4; dải tuyến tính: 0.25-25 mg/dL (4.3-427.6 $\mu\text{mol/L}$) Hóa chất 1: R1. -Sulfanilic acid: 29 mmol/L -Cetrimide: 29 mmol/L Hóa chất 2: R2 -Sodium nitrite: 11 mmol/L	Hộp	3	
12	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin trên máy sinh hóa; quy cách: R: 2 x 125 mL + Std: 1x2mL; hoá chất đơn; dải tuyến tính: 1,6-6 g/dL (16 - 60 g/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R - Succinate buffer, pH 4.20 - Bromocresol green: 0.2 mmol/L - Surfactant Chất chuẩn: Std - Albumin: 3.5 g/dL (35 g/L) - Sodium azide: < 0.1% khối lượng/ khối lượng	Hộp	02	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
13	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trong huyết tương/huyết thanh và nước tiểu người trên máy sinh hóa Quy cách R1: 5x100mL + R2: 1x127mL + Std: 1x5mL; tỉ lệ R2/R1: 1/4; Dải tuyến tính: huyết thanh/huyết tương 10-300 mg/dL (1.67-49.95 mmol/L), nước tiểu 200-6000 mg/dL (33-999 mmol/L) Thành phần gồm: Hóa chất: R1 -Tris buffer, pH 7.60 (37°C) -Anpha-Ketoglutarate: 9 mmol/L -Urease: ≥ 8100 U/L -GIDH: ≥ 1350 U/L -Sodium azide: <0.1% (khối lượng/ khối lượng) Hóa chất 2: R2 -NADH: 1.3 mmol/L -Sodium azide: <0.1% (khối lượng/ khối lượng) Chất chuẩn: - Urea: 50 mg/dL (8.33 mmol/L)	Hộp	1	
14	Hoá chất kiểm chuẩn bất thường cho các xét nghiệm thường quy	Hoá chất kiểm chuẩn cho kết quả xét nghiệm bình thường cho các xét nghiệm hóa sinh Quy cách: 10 x 5 ml/hộp Thành phần: - Huyết thanh người đông khô có sử dụng các chất phụ gia hóa học/ sinh học. - Nồng độ của từng chất phân tích để kiểm tra cụ thể theo từng lô.	Hộp	2	
15	Dung dịch ly giải	*Dung dịch dùng để ly giải hồng cầu để giải phóng hemoglobin để dùng trong các xét nghiệm hemoglobin xa hơn trên máy phân tích huyết học. Nó chuẩn bị quá trình cho phân tích các thành phần bạch cầu. Dùng kèm với dung dịch rửa và diluent. *Chứa các chất hoạt động bề mặt có tác dụng ly giải các tế bào hồng cầu và các chất bảo vệ bạch cầu giúp bảo vệ trạng thái của bạch cầu để cho phép sự biệt hóa các thành phần bạch cầu. *Các thành phần hoạt động trong hóa chất: - Muối amoni bậc bốn 2.25% - Kali clorua - Imidazole - Chất ổn định	Hộp	02	
16	Dung dịch hệ thống	*Dung dịch nhằm loại bỏ các chất còn sót lại của vật liệu sinh học khỏi hệ thống đo của máy phân tích huyết học. *Chứa các chất hoạt động bề mặt và một loại enzyme có thể hòa tan và loại bỏ các hạt hữu cơ lớn. Dùng kèm với hóa chất ly giải, diluent. *Thành phần: có chứa axit boric. *Các thành phần hoạt động trong hóa chất: - BRIJ 35: 0.25 % - EMPIGEN BB: 0.09 % - EVERIS PRECISE: 0.02 % - Natri clorua - Đệm - Chất ổn định	Hộp	01	

STT	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		- Chất bảo quản			
17	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 5x100mL + R2: 1x127mL; tỉ lệ R2/R1: 1/4; dải tuyến tính: 10-450 U/L Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.8 -L-aspartate: 330 mmol/L -LDH: ≥ 2000 U/L -MDH: ≥ 1000 U/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Hóa chất 2: R2 -Alpha-ketoglutarate: 78 mmol/L -NADH: 1.1 mmol/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng	Hộp	01	
18	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine mẫu huyết thanh người trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 1x125ml + R2: 1x125ml + Std: 1x5ml; tỉ lệ R2/R1: 1/1; dải đo: 0.5-15 mg/dL (44-1326 $\mu\text{mol/L}$) Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 - Picric acid 8.73 mmol/L Hóa chất 2: R2 - Sodium hydroxide: 312.5 mmol/L - Díodium phosphate 12.5 mmol/L Chất chuẩn: Std - Creatinine: 2 mg/dL (177 $\mu\text{mol/L}$)	Hộp	01	
	Tổng số: 18 khoản				